

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 26

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Sandwich gà xé sợi sốt mayonnaise -
NT nhóm 2: Cháo thịt gà, bông cải xanh
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Tôm tươi xào bông cải xanh, bông cải trắng, nấm đông cô tươi, hành lá, ngò rí
- Canh thịt bò nấu khoai mì, húng quế, hành lá, ngò rí
Xế: Nước tắc
Xế chiều: Cháo lươn nấu khoai môn, rau mồng tơi, hành lá, ngò rí, hành phi

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	400	3,140	12,560
2	0494	Đường cát	300	3,880	11,640
3	N0966	Muối iot	100	740	740
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	200	4,180	8,360
6	0004	Gạo tẻ máy	1,400	2,560	35,840
7	0120	Hành lá (hành hoa)	50	5,360	2,680
8	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,820	4,410
11	0531	Sốt mayonnaise	50	27,923	13,962
12	0708	Bánh mì sandwich	600	7,700	46,200
13	N0772	Thịt ức gà	500	12,920	64,600
14	0181	Bông cải trắng (súp lơ)	100	8,930	8,930
15	0182	Bông cải xanh (súp lơ)	100	8,610	8,610
16	0209	Nấm hương tươi (nấm đông cô)	100	22,050	22,050
17	0424	Tôm sú	1,000	30,980	309,800
18	0158	Rau húng	50	11,870	5,935
19	0027	Củ sắn (khoai mì)	800	2,630	21,040
20	0286	Thịt bò loại II	300	36,750	110,250
22	0258	Quả quýt (tắc)	300	4,730	14,190
23	0002	Gạo nếp (loại thường)	200	3,050	6,100
24	0033	Khoai môn	200	6,410	12,820
25	0163	Rau mồng tơi	100	4,520	4,520
26	0411	Lươn	400	25,410	101,640
27	N0850	Mỡ heo sống	200	10,300	20,600
28	0686	Sữa tươi Vinamilk	330	6,000	19,800

29	0457	Sữa bột toàn phần	462.06	20,500	94,722
Tổng cộng					961,999

Tổng tiền thực phẩm	961,999
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	962,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	19,980,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	19,979,999

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan